

Số: 29/2024/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá,
thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội

dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Trọng Tấn

QUY ĐỊNH
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29/2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ theo nhiệm vụ được quy định tại Luật Giá năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

- Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.
- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, phân công nhiệm vụ đối với từng cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực, cơ quan hành chính cấp dưới tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Sở Tài chính; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá cần thiết phải điều chỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh lập văn bản đề nghị điều chỉnh, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá tại phạm vi địa phương trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tham mưu định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

9. Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và chế độ báo cáo giá cả thị trường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính phủ; tổ chức quản trị, điều hành hoạt động và thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thanh tra.

13. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

14. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

15. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

3. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá cần thiết phải điều chỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh lập văn bản đề nghị điều chỉnh, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định

4. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá tại phạm vi địa phương; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

8. Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động cụ thể của Cơ sở dữ liệu về giá.

10. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

11. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

12. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

13. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định này; có thẩm quyền quyết

định, phân công nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ngành, lĩnh vực tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Quyết định này.

2. Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

3. Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tổ chức thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động cụ thể của Cơ sở dữ liệu về giá.

8. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn theo phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 2: HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đề xuất đối với mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ, phân đạm, phân DAP, phân NPK, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đề xuất đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đề xuất đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đề xuất đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

e) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện đối với các biện pháp bình ổn giá phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá.

3. Ngân hàng Nhà nước tỉnh phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện đối với biện pháp tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, trong các trường hợp sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này (Tại Mục III, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện thẩm định phương án giá, xin ý kiến tham gia của sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và trình văn bản định giá trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với:

a) Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ tham mưu việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá.

4. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể để đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cấp

tỉnh: Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng chịu trách nhiệm thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá; trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công về việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

6. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

7. Cơ quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm định và trình văn bản định giá được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này; đồng thời có trách nhiệm rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc điều chỉnh giá; thẩm định phương án giá điều chỉnh và trình văn bản điều chỉnh giá theo quy định.

8. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp đề nghị bổ sung hàng hóa, dịch vụ vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá thì các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực liên quan hàng hóa, dịch vụ đó của cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Điều 8. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương

a) Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương gồm:

- Dịch vụ lưu trú (đối với Khách sạn tiêu chuẩn 3 sao trở lên);
- Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn;
- Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng;
- Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;
- Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;
- Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch;
- Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành);
- Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm các sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

- Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

a) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

b) Cơ quan tiếp nhận kê khai thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở, quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá được phân công tại Quy định này, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

c) Cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

4. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể, thống kê và lựa chọn các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 hằng năm để Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 9. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại các Điều 6, 7 và 8 Quy định này.

Mục 3: TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 10. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường

a) Sở Tài chính;

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 11, Điều 12 Quy định này;

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo nhiệm vụ được phân công.

3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Giá 2023; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (sau đây gọi là Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

Điều 11. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ, Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Sở Công Thương

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng: Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Sở Y tế

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Giao thông Vận tải

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá dịch vụ giáo dục (trừ học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp).

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp các loại phí, giá dịch vụ sau

Tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền ban hành của các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật).

f) Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

g) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

h) Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo

- Báo cáo tháng: Gửi chậm nhất vào ngày 28 của tháng báo cáo;

- Báo cáo quý; 6 tháng; 9 tháng và cả năm: Thực hiện báo cáo tương ứng báo cáo Quý II và báo cáo 6 tháng; báo cáo Quý III và 9 tháng; báo cáo Quý IV và cả năm; thời gian gửi các báo cáo chậm nhất vào ngày 28 của tháng cuối cùng kết thúc quý tương ứng.

Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

Điều 12. Báo cáo giá cả thị trường đột xuất

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất của địa phương để gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Mục 4: CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 13. Xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 14. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 15. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá, gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Mục 5: THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 16. Thẩm định giá của Nhà nước

1. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Giá năm 2023 về thẩm định giá. Trường hợp thẩm quyền quyết định, phê duyệt giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá của Nhà nước.

2. Các nội dung về Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65 Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá 2023.

Mục 6: KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 17. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính

a) Kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành,

lĩnh vực theo phân công tại các Điều 6, 7 và 8 quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 6, 7 và 8 của quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 quy định này:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân công cho Sở Tài chính ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm khoản 2, khoản 3 Điều 17 quy định này:

Phân công cho các sở, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

3. Việc xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra; quyết định kiểm tra; điều chỉnh kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung quản lý của Nhà nước về giá, thẩm định giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

2. Các sở, ngành, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH VÀ TRÌNH PHƯƠNG ÁN GIÁ
ĐỐI VỚI DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ
(Kèm theo Quyết định số: 29/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền và hình thức định giá	Cơ quan Thẩm định và trình phương án giá
I	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá	Sở Giao thông Vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Tư pháp
III	Định giá cụ thể		
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của cấp Bộ quy định		
1	Nước sạch	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	
1.1	Nước sạch khu vực đô thị	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
1.2	Nước sạch khu vực nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế

3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế
B	Định giá cụ thể		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	
3.1	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và không thuộc trường hợp tại mục 3.3</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
3.2	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Ủy ban nhân dân cấp huyện
3.3	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	
5.1	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
5.2	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	UBND cấp huyện
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân)	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (<i>trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước</i>)	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
7.1	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (<i>trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng

	<i>nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã)</i>		
7.2	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Ủy ban nhân dân cấp huyện
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Giao thông Vận tải
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	
9.1	<i>Hạ tầng kỹ thuật đô thị</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
9.2	<i>Hạ tầng dịch vụ viễn thông</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Thông tin và Truyền thông
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	
10.1	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Công Thương
10.2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp huyện, cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Ủy ban nhân dân cấp huyện
IV	Định giá khác (khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ)		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Ủy ban nhân dân tỉnh theo lĩnh vực định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có)

Phụ lục II
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Quyết định số: 29/2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá; tham mưu UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm, phân DAP, phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải

7	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	
	- Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Sở Xây dựng
	- Hạ tầng dịch vụ viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
14	Thiết bị y tế	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết); Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa, dịch vụ sau	
1	Dịch vụ lưu trú (đối với Khách sạn tiêu chuẩn 3 sao trở lên)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
3	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông Vận tải

6	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thôngVận tải
7	Vật liệu xây dựng: Đất đắp nền, san lấp; đá; cát; sạn và vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước).	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn